TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến;
2. Bà Lê Thị Thiện.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1992; thường trú: Khu vực T, phường T, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: Ô 20, DC46, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Hữu L, sinh năm 1992; thường trú: Khu vực T, phường T, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: Ô 20, DC46, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Trương Hữu L tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là phường T, Thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2014, quyển số 01/2014, ngày 01/4/2014. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi kết hôn

chị và anh L sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Trương Hữu L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 20/8/2011 và Trương Hồng L1, sinh ngày 11/5/2016. Hiện nay các con đang sống với anh L. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh Trương Hữu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Dương Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng/người con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2026, anh Trương Hữu L trình bày: Anh Trương Hữu L và chị Dương Thị N có tìm hiểu nhau và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là phường T, Thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2014, quyển số 01/2014, ngày 01/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi ăn uống với bạn và có hành vi vượt quá giới hạn. Sau khi xảy ra sự việc thì chị N có xin anh L tha thứ và vợ chồng hàn gắn vì con mà sống. Đến tháng 10/2025 thì chị N bỏ đi, cắt đứt liên lạc với gia đình, không về thăm con và cũng không gửi tiền phụ nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 20/8/2011 và Trương Hồng L1, sinh ngày 11/5/2016. Hiện nay các con đang sống với anh L. Anh thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Kết quả xác minh ngày 26/11/2025 tại khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Quá trình sống chung giữa anh Trương Hữu L với chị Dương Thị N có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không rõ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Dương Thị N, bị đơn anh Trương Hữu L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Trương Hữu L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Cần Thơ (nay là phường T, Thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2014, quyển số 01/2014, ngày 01/4/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình tố tụng nguyên đơn và bị đơn đều trình bày thống nhất về việc cuộc sống vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, không thể hoà hợp được, thực tế vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý. Do đó yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trương Gia B, sinh ngày 20/8/2011 và Trương Hồng L1, sinh ngày 11/5/2016. Hiện con đang sống với anh L. Việc chị N và anh L thống nhất giao các con chung cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo cuộc sống ổn định của con, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do đó căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N về con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Xét nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ của người cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời đây là sự tự nguyện của chị N, anh L cũng thống nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị N đối với bị đơn anh Trương Hữu L về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N được ly hôn với anh Trương Hữu L.

- Về con chung: Chị Dương Thị Ngọc G 02 con chung là Trương Gia B, sinh ngày 20/8/2011 và Trương Hồng L1, sinh ngày 11/5/2016 cho anh Trương Hữu L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự sự nguyện của chị Dương Thị N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, chị N và anh L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0021292 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Dương Thị N còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16- TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân